

Bản án số: 97/2024/KDTM-PT  
Ngày: 26-04-2024  
V/v tranh chấp hợp đồng liên kết  
dịch vụ

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hương

Các Thẩm phán: 1. Bà Trương Thị Quỳnh Trâm

2. Bà Lưu Thị Đoàn Trang

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hiệp Định – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bảo Trân – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 và 26 tháng 4 năm 2024 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 44/2024/TLPT-KDTM ngày 23 tháng 01 năm 2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng liên kết dịch vụ”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 3894/2023/KDTM-ST ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1113/2024/QĐ-PT ngày 04 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 4249/2024/QĐ-PT ngày 28 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần T3

Địa chỉ: 257 (lầu 3) N, Phường B, Quận E, Tp ..

Người đại diện theo pháp luật: Bà Ngô Thị M, sinh năm 1971 – Chức vụ: Giám đốc; địa chỉ: B (lầu C) N, Phường B, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Minh H, Luật sư của Văn phòng Luật sư Trương Thị H1, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H.

2. Bị đơn: Trường Đại học N

Địa chỉ: Khu phố F, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Mộng T, sinh năm 1971, bà Trần Thị Hoàng Y, sinh năm 1992; địa chỉ: Khu phố F, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy ủy quyền số 1013/GUQ-ĐHNL ngày 25/3/2024).

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn Công ty Cổ phần T3.

(Tại phiên tòa: Bà M, ông H, ông T và bà Y có mặt).

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của bản án sơ thẩm như sau:*

\* Nguyên đơn Công ty Cổ phần T3 bày:

Công ty Cổ phần T3 (sau đây gọi tắt là Công ty T3) là đơn vị cung cấp dịch vụ ăn uống tại Trường Đại học N (sau đây gọi tắt là Trường Đại học N) từ năm 2008 cho đến nay. Giữa Công ty T3 và Trường Đại học N có ký các hợp đồng sau:

- Hợp đồng liên kết cung cấp dịch vụ ăn uống tại căn tin Trường Đại học Nông Lâm Thành phố N số 2009/HĐLK-2013 ngày 12/9/2013, theo đó, Công ty T3 sử dụng căn tin hiện hữu (nhà T) của Trường Đại học N tại địa chỉ: Khu phố F, phường L, quận T (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh để khai thác cung cấp dịch vụ ăn uống cho sinh viên và cán bộ viên chức của T1, thời hạn sử dụng căn tin là 05 năm (từ ngày 20/9/2013 đến ngày 20/9/2018); Sau khi chấm dứt hợp đồng, hai bên lập biên bản thanh lý hợp đồng, trường hợp Công ty T3 có nhu cầu tiếp tục liên kết khai thác dịch vụ ăn uống tại căn tin sau khi thanh lý hợp đồng, Trường Đại học N sẽ ưu tiên xem xét cho Công ty T3 được tiếp tục tái ký hợp đồng liên kết, nội dung của hợp đồng khi đó sẽ do hai bên thương lượng, kinh phí đóng góp và phương thức thanh toán, đóng góp chi phí quản lý cho Trường Đại học N theo lộ trình; Công ty T3 cho Trường Đại học N số tiền 24.000.000 đồng, số tiền này được trả lại sau khi kết thúc hợp đồng.

- Hợp đồng liên kết cung cấp dịch vụ ăn uống cho sinh viên tại căn tin trong ký túc xá trường Đại học Nông Lâm Thành phố N số 305/HĐLK-2014 ngày 22/9/2014, theo đó, Công ty T3 sử dụng căn tin hiện hữu trong ký túc xá của Trường Đại học N tại địa chỉ: Khu phố F, phường L, quận T (nay là Thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh để khai thác cung cấp dịch vụ ăn uống, mua bán hàng hóa thiết yếu phục vụ học tập, sinh hoạt cho sinh viên trường, thời hạn sử dụng căn tin 04 năm (bắt đầu kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực); Sau khi chấm dứt hợp đồng, hai bên lập biên bản thanh lý hợp đồng, trường hợp Công ty T3 có nhu cầu tiếp tục liên kết khai thác dịch vụ ăn uống tại căn tin sau khi thanh lý hợp đồng, Trường Đại học N sẽ ưu tiên xem xét cho Công ty T3 được tiếp tục tái ký hợp đồng liên kết, nội dung của hợp đồng khi đó sẽ do hai bên thương lượng, kinh phí đóng góp và phương thức thanh toán, đóng góp chi phí quản lý cho Trường Đại học N theo lộ trình; Công ty T3 cho Trường Đại học N số tiền 100.000.000 đồng, số tiền này được trả lại sau khi kết thúc hợp đồng.

Tuy nhiên, kể từ khi ký 02 Hợp đồng trên, Trường Đại học N không thực hiện những thỏa thuận trong hợp đồng dẫn đến việc Công ty T3 kinh doanh luôn bị thua lỗ trong nhiều năm qua, chưa thu hồi được số tiền đầu tư mà Công ty T3 đã đầu tư sửa chữa, nâng cấp 02 căn tin trên. Để kinh doanh tốt hơn sau khi ký hợp đồng, Công ty T3 đã sửa chữa, nâng cấp nhiều hạng mục để xây dựng mô hình kinh doanh. Trước khi hết thời hạn hợp đồng, Công ty T3 đã gửi công văn

đề xuất với Trường Đại học N được tiếp tục đầu tư lại 02 căn tin trên và tiếp tục ký hợp đồng nhưng Trường Đại học N không đồng ý.

Ngày 07/10/2019, Trường Đại học N đã ngừng cung cấp điện căn tin (nhà T) nên Công ty T3 không thể kinh doanh. Ngày 14/8/2020, Công ty T3 nhận được Công văn 1374/PCTĐ-DVKH của Công ty Đ về việc chấm dứt hợp đồng mua bán điện, thông báo về việc ngừng cung cấp điện, thu hồi hệ thống đo đếm và chấm dứt HĐMBĐ số 20/000019, mã khách hàng PE10000123689, thời gian ngừng cung cấp điện, thu hồi hệ thống đo đếm vào lúc 09 giờ 00 phút ngày 28/8/2020. Đối với căn tin trong ký túc xá, từ đầu năm 2019, tình trạng cúp nước diễn ra liên tục làm cho Công ty T3 không thể hoạt động kinh doanh và luôn bị thua lỗ và làm giảm uy tín của Công ty T3 do việc phục vụ nhu cầu ăn, uống bị gián đoạn. Công ty T3 đã nhiều lần gửi công văn đề nghị Trường Đại học Nông L cung cấp lại điện, nước để Công ty T3 kinh doanh lại, nhưng Trường Đại học N không đồng ý. Ngày 16/9/2020, Công ty T3 nhận được Công văn số 2701/ĐHNL-QTVT ngày 11/9/2020 của Trường Đại học N về việc bàn giao mặt bằng Hợp đồng số 2009/HĐLK-2013 và Hợp đồng số 305/ HĐLK-2014, yêu cầu Công ty T3 bàn giao mặt bằng, thời hạn bàn giao đến ngày 21/9/2020, nếu sau thời hạn trên Công ty T3 không bàn giao mặt bằng thì nhà Trường sẽ thực hiện các thủ tục cần thiết để yêu cầu cơ quan chức năng có thẩm quyền can thiệp giải quyết.

Nay Công ty T3 yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Buộc Trường Đại học N thực hiện các thủ tục để hoàn thiện về hình thức của hợp đồng: Hợp đồng liên kết cung cấp dịch vụ ăn uống cho sinh viên tại căn tin trong ký túc xá trường Đại học Nông Lâm Thành phố N số 305/HĐLK-2014 ngày 22/9/2014; Hợp đồng liên kết cung cấp dịch vụ ăn uống tại căn tin trường Đại học Nông Lâm Thành phố N số 2009/HĐLK-2013 ngày 12/09/2013 và tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ trong hợp đồng theo đúng Công văn số 4212/ĐHNL-HC ngày 29/11/2018 của Trường Đại học Nông Lâm Thành phố N và thỏa thuận trước đó của hai bên.

- Buộc Trường Đại học N chấm dứt các hành vi gây rối, cản trở liên quan đến việc sử dụng điện, nước tại hai căn tin của Công ty T3.

\* Bị đơn Trường Đại học N bày:

Xác nhận giữa Trường Đại học N và Công ty T3 có ký Hợp đồng liên kết cung cấp dịch vụ ăn uống tại căn tin trường Đại học Nông Lâm Thành phố N số 2009/HĐLK-2013 ngày 12/09/2013 và Hợp đồng liên kết cung cấp dịch vụ ăn uống cho sinh viên tại căn tin trong ký túc xá Trường Đại học Nông Lâm Thành phố N số 305/HĐLK-2014 ngày 22/9/2014 như Công ty T3 trình bày trên.

Theo hợp đồng thì nay cả hai hợp đồng trên đã hết thời hạn. Ngày 29/11/2018, Trường Đại học N có Công văn số 4212/ĐHNL-HC, nội dung Trường Đại học N thể hiện sẽ ưu tiên cho Công ty T3 tiếp tục ký hợp đồng, đồng ý về mặt chủ trương cho Công ty T3 được tiếp tục đầu tư tại 02 căn tin sau khi

Công ty T3 thanh lý hai hợp đồng trên; nội dung hợp đồng mới sẽ được hai bên bàn bạc sau. Tuy nhiên, Công ty T3 vẫn không tiến hành thủ tục thanh lý hai hợp đồng. Đến nay sau khi hai hợp đồng trên đã hết hạn, Trường Đại học N và Công ty T3 đã nhiều lần họp và thương lượng về vấn đề thanh lý hợp đồng và các yêu cầu theo Công văn số 4212/ĐHNL-HC ngày 29/11/2018, tuy nhiên hai bên vẫn không thỏa thuận được.

Trường Đại học N là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ G. Tài sản của Trường Đại học N quản lý sử dụng là tài sản công. Ngày 11/10/2018 Bộ G có Công văn số 4710/BGDĐT-KHTC về việc yêu cầu chấm dứt việc sử dụng tài sản công của các đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết không đúng quy định. Ngày 11/12/2018 Bộ G có Công văn số 5632/BGDĐT-KHTC về việc nghiêm túc thực hiện chấm dứt việc sử dụng tài sản công của các đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết không đúng quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. Trong trường hợp này, Trường Đại học N phải thực hiện theo các quy định của Luật quản lý, sử dụng tài sản công theo ý kiến chỉ đạo của Bộ G – Cơ quan chủ quản của Trường Đại học N. Vì vậy, Trường Đại học N quyết định không tiếp tục ký hợp đồng với Công ty T3 và lập đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật. Trường Đại học N có công văn trả lời Công ty T3 về việc không tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo của Công văn số 4212/ĐHNL-HC ngày 29/11/2018. Trường Đại học N cũng đề nghị Công ty T3 nếu có nhu cầu có thể tham gia đấu giá khi nhà trường tổ chức đấu giá theo quy định của Luật quản lý, sử dụng tài sản công. Vì vậy, Công ty T3 căn cứ Công văn số 4212/ĐHNL-HC ngày 29/11/2018 để cho rằng Trường Đại học N phải thực hiện nghĩa vụ trong công văn trên là không có căn cứ. Nay Trường Đại học N không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Công ty T3.

Ngày 28/10/2020 Trường Đại học N có yêu cầu phản tố, yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Thanh lý Hợp đồng liên kết cung cấp dịch vụ ăn uống cho sinh viên tại căn tin trong ký túc xá trường Đại học Nông Lâm Thành phố N số 305/HĐLK-2014 ngày 22/9/2014 và Hợp đồng liên kết cung cấp dịch vụ ăn uống tại căn tin trường Đại học Nông Lâm Thành phố N số 2009/HĐLK-2013 ngày 12/09/2013 giữa Trường Đại học N Công ty T3.

- Buộc Công ty T3 trả lại mặt bằng là căn tin hiện hữu (nhà Thủy T2) và Căn tin hiện hữu trong ký túc xá cho Trường Đại học N.

- Buộc Công ty T3 thanh toán khoản tiền còn nợ theo hợp đồng và bồi thường thiệt hại xảy ra do việc Công ty T3 chiếm giữ trái phép tài sản công từ thời điểm hết hạn hợp đồng (tháng 10/2018) đến thời điểm Công ty bàn giao mặt bằng và tài sản cho T1, số tiền yêu cầu bồi thường tạm tính:

+ Hợp đồng số 2009/HĐLK-2013: Tiền nợ tháng 8, 9 năm 2018 chưa thanh toán là 24.000.000 đồng x 02 tháng = 48.000.000 đồng và tiền từ tháng

10/2018 đến tháng 10/2020 là 24.000.000 đồng x 21 tháng = 504.000.000 đồng.  
Tổng số tiền tạm tính là 552.000.000 đồng.

+ Hợp đồng số 305/HĐLK-2014: Tiền nợ chưa thanh toán 5 tháng của năm 2017 là 20.000.000 đồng x 05 tháng = 100.000.000 đồng và tiền từ tháng 10/2018 đến tháng 10/2020 là 20.000.000 đồng x 21 tháng = 420.000.000 đồng.  
Tổng số tiền tạm tính là 520.000.000 đồng.

Tổng cộng là 1.072.000.000 (Một tỷ không trăm bảy mươi hai triệu) đồng.

Quá trình giải quyết, ngày 31/10/2022 Trường Đại học N có đơn yêu cầu rút một phần yêu cầu phản tố về yêu cầu bồi thường thiệt hại do Công ty T3 chiếm giữ trái phép tài sản công từ khi hết hạn hợp đồng (tháng 10/2018) đến khi Công ty T3 bàn giao mặt bằng và tài sản cho Trường Đại học N, số tiền yêu cầu bồi thường tạm tính: Hợp đồng số 2009/HĐLK-2013 từ tháng 10/2018 đến tháng 10/2020 là 24.000.000 đồng x 21 tháng = 504.000.000 đồng; Hợp đồng số 305/HĐLK-2014 từ tháng 10/2018 đến tháng 10/2020 là 20.000.000 đồng x 21 tháng = 420.000.000 đồng, tổng cộng là 924.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, Trường Đại học N xác định yêu cầu phản tố, yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Thanh lý Hợp đồng liên kết cung cấp dịch vụ ăn uống cho sinh viên tại căn tin trong ký túc xá trường Đại học Nông Lâm Thành phố N số 305/HĐLK-2014 ngày 22/9/2014 và Hợp đồng liên kết cung cấp dịch vụ ăn uống tại căn tin trường Đại học Nông Lâm Thành phố N số 2009/HĐLK-2013 ngày 12/09/2013 giữa Trường Đại học N Công ty T3.

- Buộc Công ty T3 trả lại mặt bằng là căn tin hiện hữu (nhà Thủy T2) và Căn tin hiện hữu trong ký túc xá cho Trường Đại học N.

- Buộc Công ty T3 thanh toán khoản tiền còn nợ của hợp đồng số 2009/HĐLK-2013: Tiền nợ tháng 3 năm 2018 chưa thanh toán là 24.000.000 đồng; Hợp đồng số 305/HĐLK-2014: Tiền nợ chưa thanh toán năm 2017 (từ tháng 02/2017-12/2017) miễn 05 tháng, còn nợ 05 tháng (Biên bản họp ngày 26/5/2017) là 20.000.000 đồng x 05 tháng = 100.000.000 đồng, tổng cộng số tiền thuê còn nợ 124.000.000 (Một trăm hai mươi bốn triệu) đồng.

Trường Đại học N tự nguyện trả lại tiền ký quỹ cho Công ty T3 của Hợp đồng số 2009/HĐLK-2013 ngày 12/09/2013 tiền ký quỹ là 24.000.000 đồng và Hợp đồng số 305/HĐLK-2014 ngày 22/9/2014 tiền ký quỹ là 100.000.000 đồng, tổng cộng là 124.000.000 đồng.

Trường Đại học N tự nguyện cho Công ty T3 được tháo dỡ các tài sản, vật tư với điều kiện không được làm hư hại kết cấu của căn tin tại căn tin hiện hữu (nhà T) và Căn tin hiện hữu trong ký túc xá cho Trường Đại học N tại địa chỉ Khu phố F, phường L, quận T (nay là Thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra Trường Đại học N không trình bày gì thêm.

\* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 3894/2023/KDTM-ST ngày 25 tháng 9

*năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:*

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần T3, về việc “Tranh chấp hợp đồng liên kết dịch vụ” với Trường Đại học N.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của Trường Đại học N, về việc “Tranh chấp hợp đồng liên kết dịch vụ” đối với Công ty Cổ phần T3.

Chấm dứt Hợp đồng liên kết cung cấp dịch vụ ăn uống tại căn tin trường Đại học Nông Lâm Thành phố N số 2009/HĐLK-2013 ngày 12/09/2013 và Hợp đồng liên kết cung cấp dịch vụ ăn uống cho sinh viên tại căn tin trong ký túc xá trường Đại học Nông Lâm Thành phố N số 305/HĐLK-2014 ngày 22/9/2014 giữa Trường Đại học N Công ty Cổ phần T3.

Buộc Công ty Cổ phần T3 có trách nhiệm bàn giao ngay toàn bộ mặt bằng là căn tin hiện hữu (nhà Thủy T2) địa chỉ ghi trên hợp đồng tại: Khu phố F, phường L, quận T (nay là Thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh (nay thuộc phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương) và Căn tin hiện hữu trong ký túc xá tại địa chỉ: Khu phố F, phường L, quận T (nay là Thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh cho Trường Đại học N.

Trường Đại học N trả cho Công ty Cổ phần T3 tiền ký quỹ của Hợp đồng số 2009/HĐLK-2013 ngày 12/09/2013 và Hợp đồng số 305/HĐLK-2014 ngày 22/9/2014 là 124.000.000 (Một trăm hai mươi bốn triệu) đồng.

3. Buộc Công ty Cổ phần T3 trả lại cho Trường Đại học Nông Lâm Thành phố N tiền nợ thuê mặt bằng 124.000.000 (Một trăm hai mươi bốn triệu) đồng.

Buộc Công ty Cổ phần T3 trả lại cho Trường Đại học Nông Lâm Thành phố N chi phí xem xét thẩm định tại chỗ với số tiền là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu bên bị thi hành án chưa thi hành, thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

4. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu phản tố về việc Trường Đại học N yêu cầu Công ty Cổ phần T3 trả tiền nợ thuê mặt bằng chưa thanh toán của hợp đồng số 2009/HĐLK-2013 là 24.000.000 (Hai mươi bốn triệu) đồng.

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu phản tố về việc Trường Đại học N yêu cầu bồi thường thiệt hại xảy ra do việc nguyên đơn chiếm giữ trái phép tài sản công là 924.000.000 (Chín trăm hai mươi bốn triệu) đồng.

5. Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện:

Về án phí: Sung vào công quỹ nhà nước số tiền tạm ứng án phí của Công ty Cổ phần T3 đã nộp là 3.000.000 (Ba triệu) đồng theo biên lai thu tiền số AA/2019/00578112 ngày 01/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Công ty Cổ phần T3** có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 17/11/2023 nguyên đơn **Công ty T3** có đơn kháng cáo với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm do Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, không vô tư khách quan trong quá trình xét xử, không dựa trên các tài liệu, chứng cứ có trong vụ án và quy định pháp luật làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

*\* Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Nguyên đơn **Công ty T3** giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và các ý kiến đã trình bày.

Bị đơn **Trường Đại học N** giữ nguyên yêu cầu phản tố và các ý kiến đã trình bày, không đồng ý với kháng cáo của nguyên đơn **Công ty T3**, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

- Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử phúc thẩm và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo được nộp trong thời hạn quy định nên hợp lệ.

- Về nội dung kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm vì Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn là có cơ sở; Kháng cáo của nguyên đơn không có căn cứ nên không chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Xét kháng cáo của **Công ty T3** kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm do Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, không vô tư khách quan trong quá trình xét xử, không dựa trên các tài liệu, chứng cứ có trong vụ án và quy định pháp luật làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của **Công ty T3**, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1.1] Về hình thức của đơn kháng cáo: Xét thấy đơn kháng cáo của **Công ty T3** trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận.

[1.2] Về nội dung kháng cáo:

[1.2.1] Về tố tụng:

Xét kháng cáo của Công ty T3 cho rằng Công ty T3 và đại diện pháp luật của công ty đều không nhận được bất kỳ thông báo, giấy triệu tập nào của Tòa án về phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải ngày 04/7/2023, phiên tòa ngày 25/8/2023 và phiên tòa ngày 25/9/2023. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà M nộp tài liệu chứng minh vào thời gian mở phiên tòa bà đang đi công tác.

Xét, theo tài liệu có trong hồ sơ thể hiện Tòa án cấp sơ thẩm đã triệu tập họp lệ Công ty T3 có đại diện hợp pháp là bà Ngô Thị M đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 04/7/2023, phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất vào ngày 25/8/2023 và phiên tòa sơ thẩm lần hai vào ngày 25/9/2023 tuy nhiên bà Ngô Thị M vắng mặt mà không thông báo cho Tòa án, không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T3 là phù hợp.

Về việc tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ: Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ với đủ thành phần và lập biên bản đúng quy định tại Điều 101 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2.2] Về nội dung:

Xét, Hợp đồng số 2009/HĐLK-2013 ngày 12/9/2013 và Hợp đồng số 305/HĐLK-2014 ngày 22/9/2014 ký giữa Trường Đại học N và Công ty T3 có hình thức và nội dung phù hợp quy định của pháp luật nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Về việc chấm dứt hợp đồng: Xét Hợp đồng số 2009/HĐLK-2013 ngày 12/9/2013 và Hợp đồng số 305/HĐLK-2014 ngày 22/9/2014 đều đã hết thời hạn. Xét tại nội dung Công văn số 4212/ĐHNL-HC của Trường Đại học N chỉ thể hiện sẽ ưu tiên cho Công ty T3 tiếp tục ký hợp đồng, đồng ý về mặt chủ trương cho Công ty T3 được tiếp tục đầu tư tại 02 căn tin sau khi Công ty T3 về hai hợp đồng trên; nội dung hợp đồng mới sẽ được hai bên bàn bạc sau chứ không phải thỏa thuận của các bên về việc tiếp tục gia hạn hợp đồng hay thỏa thuận lại hợp đồng. Mặt khác, nhiều lần Trường Đại học N đã yêu cầu Công ty T3 trả lại mặt bằng nhưng Công ty T3 không đồng ý. Theo thỏa thuận tại Điều 2, Điều 5 của Hợp đồng số 2009/HĐLK-2013 ngày 12/09/2013 và Hợp đồng số 305/HĐLK-2014 ngày 22/9/2014 thì toàn bộ tài sản đã được đầu tư trong căn tin (không kể nguồn đầu tư) sẽ thuộc sở hữu của Trường Đại học N. Như vậy, Trường Đại học N yêu cầu chấm dứt các hợp đồng và yêu cầu Công ty T3 trả lại mặt bằng là căn tin hiện hữu (nhà Thủy T2) và Căn tin hiện hữu trong ký túc xá cho Trường Đại học N tại địa chỉ Khu phố F, phường L, quận T (nay là Thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh cho Trường Đại học N như nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm là có cơ sở.



Về yêu cầu đòi tiền thuê mặt bằng: Căn cứ Biên bản xác nhận công nợ ngày 08/5/2018 và sự thừa nhận của hai bên thì thời hạn thực hiện của Hợp đồng số 2009/HĐLK-2013 ngày 12/09/2013 và Hợp đồng số 305/HĐLK-2014 ngày 22/9/2014 đã hết nhưng Công ty T3 vẫn còn nợ Trường Đại học N tiền thuê mặt bằng tháng 3 năm 2018 của Hợp đồng số 2009/HĐLK-2013 là 24.000.000 đồng; tiền nợ của Hợp đồng số 305/HĐLK-2014, chưa thanh toán năm 2017 (từ tháng 02/2017-12/2017) miễn 05 tháng, còn nợ 05 tháng (Biên bản họp ngày 26/5/2017) là 20.000.000 đồng x 05 tháng = 100.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền thuê còn nợ của hai hợp đồng là 124.000.000 đồng. Việc Công ty T3 chưa thanh toán tiền thuê mặt bằng đối với Trường Đại học N là vi phạm hợp đồng nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty T3 trả lại tiền thuê còn nợ 124.000.000 đồng cho Trường Đại học N là có cơ sở.

Xét, trường Đại học N tự nguyện trả lại toàn bộ số tiền ký quỹ tổng cộng là 124.000.000 đồng do chấm dứt Hợp đồng số 2009/HĐLK-2013 ngày 12/9/2013 (tiền ký quỹ là 24.000.000 đồng) và Hợp đồng số 305/HĐLK-2014 ngày 22/9/2014 (tiền ký quỹ là 100.000.000 đồng) cho Công ty T3 là sự tự nguyện nên ghi nhận.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định nêu trên nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Do đình chỉ yêu cầu của Công ty T3 nên tiền tạm ứng án phí được sung vào công quỹ nhà nước. Do yêu cầu phản tố của Trường Đại học N được chấp nhận nên Công ty T3 phải chịu án phí. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho Trường Đại học N.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Do Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo là Công ty T3 phải chịu án phí phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét lại.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 148, Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 26 và 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty Cổ phần T3 nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 3894/2023/KDTM-ST ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần T3 việc “Tranh chấp hợp đồng liên kết dịch vụ” với Trường Đại học N.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của Trường Đại học N về việc “Tranh chấp hợp đồng liên kết dịch vụ” đối với Công ty Cổ phần T3

Chấm dứt Hợp đồng liên kết cung cấp dịch vụ ăn uống tại căn tin Trường Đại học N số 2009/HĐLK-2013 ngày 12/09/2013 và Hợp đồng liên kết cung cấp dịch vụ ăn uống cho sinh viên tại căn tin trong ký túc xá Trường Đại học N số 305/HĐLK-2014 ngày 22/9/2014 giữa Trường Đại học N ty Cổ phần Thương mại - Dịch vụ và Chế biến thực phẩm Minh Đức

Buộc Công ty Cổ phần Thương mại - Dịch vụ và Chế biến thực phẩm Minh Đức trách nhiệm bàn giao ngay toàn bộ mặt bằng là căn tin hiện hữu (nhà Thủy T2) địa chỉ ghi trên hợp đồng tại: Khu phố F, phường L, quận T (nay là Thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh (nay thuộc phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương) và Căn tin hiện hữu trong ký túc xá tại địa chỉ: Khu phố F, phường L, quận T (nay là Thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh cho Trường Đại học N.

Trường Đại học N trả cho Công ty Cổ phần T3 quỹ của Hợp đồng số 2009/HĐLK-2013 ngày 12/09/2013 và Hợp đồng số 305 /HĐLK-2014 ngày 22/9/2014 là 124.000.000 (Một trăm hai mươi bốn triệu) đồng.

3. Buộc Công ty Cổ phần T3 cho Trường Đại học N tiền nợ thuê mặt bằng là 124.000.000 (Một trăm hai mươi bốn triệu) đồng.

Buộc Công ty Cổ phần T3 cho Trường Đại học N chi phí xem xét thẩm định tại chỗ với số tiền là 5.000.000 (Năm triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu bên bị thi hành án chưa thi hành, thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

4. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu phản tố về việc Trường Đại học N yêu cầu Công ty Cổ phần T3 nợ thuê mặt bằng chưa thanh toán của hợp đồng số 2009/HĐLK-2013 là 24.000.000 (Hai mươi bốn triệu) đồng.

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu phản tố về việc Trường Đại học N yêu cầu bồi thường thiệt hại xảy ra do việc nguyên đơn chiếm giữ trái phép tài sản công là 924.000.000 (Chín trăm hai mươi bốn triệu) đồng.

5. Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện:

Về án phí: Sung vào công quỹ nhà nước số tiền tạm ứng án phí của Công ty Cổ phần T3 là 3.000.000 (Ba triệu) đồng theo Biên lai thu tiền số

AA/2019/0057812 ngày 01/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Công ty Cổ phần T3** quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

**Công ty Cổ phần T3 phải chịu** 9.200.000 (Chín triệu hai trăm ngàn) đồng.

**Trường Đại học N** phải chịu 6.200.000 (Sáu triệu hai trăm ngàn) đồng, nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí **Trường Đại học N** đã nộp 22.080.000 (Hai mươi hai triệu không trăm tám mươi ngàn) đồng theo Biên lai thu số AA/2019/0058965 ngày 08/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoàn lại cho **Trường Đại học N** số tiền 15.880.000 (Mười lăm triệu tám trăm tám mươi ngàn) đồng.

7. Về án phí dân sự phúc thẩm:

**Công ty Cổ phần T3** chịu là 2.000.000 (Hai triệu) đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 2.000.000 (Hai triệu) đồng theo Biên lai thu số AA/2023/0000739 ngày 17/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. **Công ty Cổ phần T3** nộp đủ án phí phúc thẩm.

8. Các bên đương sự thi hành án tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

9. Bản án này có hiệu lực pháp luật ngay.

10. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TANDTC;
- TAND Cấp cao tại TP HCM;
- VKSND Cấp cao;
- VKSND TPHCM;
- Cục THADS TP HCM;
- TAND TP. Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Thị Hương**

